

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 01 - 9 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phụng.

Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Dương Thanh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Dương Thanh T và bà Võ Thị Đ thống nhất trình bày: Vào ngày 29/5/2018 bà Trần Thị C có vay của vợ chồng ông Dương Thanh T, bà Võ Thị Đ số tiền là 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/1 tháng, hình thức đóng lãi mỗi tháng. Đến ngày 15/6/2018 bà Trần Thị C có vay thêm của vợ chồng ông T, bà Đ số tiền là 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/1 tháng, hình thức đóng lãi mỗi tháng. Đến ngày 29/9/2018 bà C có vay

thêm của vợ chồng ông T, bà Đ số tiền là 20.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền mà bà C vay của vợ chồng ông T, bà Đ là 60.000.000 đồng. Bà C có làm biên nhận nợ là 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/1 tháng, hình thức đóng lãi mỗi tháng.

Từ khi cho vay lần đầu cho đến tháng 11/2018 bà C có đóng lãi đầy đủ theo thỏa thuận, kể từ ngày 29/12/2018 cho đến nay bà C không có đóng lãi và cũng không có trả tiền gốc cho vợ chồng ông T, bà Đ. Vợ chồng ông T, bà Đ có đòi tiền nhiều lần nhưng bà C chỉ hẹn chứ không có trả nợ gốc và không trả tiền lãi.

Ngày 04/3/2019, vợ chồng ông T, bà Đ gửi đơn đến tổ hòa giải yêu cầu bà C trả cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi suất như thỏa thuận. Đến ngày 18/3/2019 khi tổ hòa giải tiến hành hòa giải bà C thừa nhận có nợ vợ chồng ông T, bà Đ số tiền gốc 60.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận. Bà C không có khả năng trả tiền nên thỏa thuận khi nào bà C chuyển nhượng được đất nền nhà bà C sẽ trả tiền cho vợ chồng ông T, bà Đ nên hòa giải thành.

Vào ngày 30/9/2020, vợ chồng ông T, bà Đ tiếp tục gửi đơn đến tổ hòa giải yêu cầu bà C trả cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền gốc 60.000.000 đồng và lãi suất theo như thỏa thuận. Đến ngày 09/10/2020 khi tổ hòa giải tiến hành hòa giải bà C có thỏa thuận trong 01 tháng mà không chuyển nhượng được đất nền nhà để trả tiền thì vợ chồng ông T, bà Đ có quyền khởi kiện bà C nên hòa giải thành nhưng đến hạn theo thỏa thuận bà C không chuyển nhượng được đất nền nhà, không trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho vợ chồng ông T, bà Đ. Như vậy, bà C còn nợ vợ chồng ông T, bà Đ số tiền gốc là 60.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/12/2018.

Nay vợ chồng ông T, bà Đ yêu cầu bà C có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền gốc là 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 29/12/2018 đến khi Tòa án xét xử vụ án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Bà C thừa nhận bà còn nợ ông T, bà Đ số tiền vốn gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 29/12/2018 đến nay theo quy định pháp luật nhưng do hoàn cảnh gia đình bà gặp khó khăn nên khi nào bà chuyển nhượng được đất nền nhà bà sẽ trả số tiền vốn gốc là 60.000.000 đồng, bà yêu cầu không trả lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Dương Thanh T, bà Võ Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, bà Đ về việc yêu cầu buộc bị đơn bà C trả các khoản tiền

vay gốc 60.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ khoản tiền vốn vay này đối với bị đơn bà C theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các nguyên đơn ông T, bà Đ yêu cầu buộc bị đơn bà C trả khoản tiền vay gốc 60.000.000 đồng, cùng tiền lãi phát sinh từ khoản tiền vốn vay này theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đưa vụ án ra xét xử, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà C cư trú tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông T, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà C trả khoản tiền vay gốc 60.000.000 đồng, cùng tiền lãi phát sinh từ khoản tiền vốn vay này theo quy định pháp luật tính từ ngày 29/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà Đ, bà C đã thống nhất với nhau về các vấn đề sau: Bà C thống nhất thừa nhận bà C có vay tiền của ông T, bà Đ nên việc vay tiền này và nghĩa vụ trả tiền vay là nghĩa vụ của bà C. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Như vậy, đã có đủ căn cứ khẳng định bà C có vay của ông T, bà Đ khoản tiền vốn là 60.000.000 đồng nhưng bà C chưa trả khoản tiền vốn vay này cho ông T, bà Đ là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc ông T, bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C trả các khoản tiền vốn vay này là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét về lãi suất: Khi cho vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, bị đơn không đồng ý trả lãi, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định các bên có tranh chấp về lãi suất thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 20%/01 năm nên lãi suất được tính là 10%/01 năm. Do vậy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trước đây cao so với mức lãi suất quy định. Như vậy, tính từ ngày 29/12/2018 đến ngày 01/9/2021 là 02 năm 08 tháng 02 ngày: $60.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm} = 12.000.000 \text{ đồng}$; $60.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}/12 \text{ tháng} \times 08 \text{ tháng} = 4.000.000 \text{ đồng}$; $60.000.000 \text{ đồng} \times$

10%/năm/12 tháng/30 ngày x 02 ngày = 33.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 76.033.000 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Dương Thanh T, bà Võ thị Đ.

- Buộc bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ trả cho ông Dương Thanh T, bà Võ Thị Đ khoản tiền vốn vay là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi từ ngày 29/12/2018 đến ngày 01/9/2021 là 16.033.000 đồng (mười sáu triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng 76.033.000 đồng (bảy mươi sáu triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Dương Thanh T, bà Võ Thị Đ đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà Trần Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Dương Thanh T, bà Võ Thị Đ không phải chịu án phí sơ thẩm; ông Dương Thanh T, bà Võ Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông T, bà Đ đã nộp là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003100, ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Trần Thị C phải chịu án phí sơ thẩm là 3.801.650 đồng (ba triệu tám trăm lẻ một nghìn sáu trăm năm mươi *đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Dương Thanh T, bà Võ Thị Đ và bà Trần Thị C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng